SAO Y; SỞ XÂY DỰNG; 18/08/2025; 10:58:08; +07:00

CÔNG TY CP THỐNG NHẤT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 139/CPTN-ĐTKD "V/v công bố giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 - Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở Khu Trung tâm Dịch vụ KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai"	*Trảng Bom, ngày 07 tháng 8 năm 2025*

SỞ XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
ĐẾN Số: 4825
Ngày: 18/8/2025
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai

- Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Căn cứ Nghị quyết số 210/2025/QH15 ngày 29/5/2025;

- Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Căn cứ Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

- Căn cứ Phương án giá bán chung cư số 5 và chung cư số 6 công trình khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc dự án phát triển nhà ở Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai do Công ty Cổ phần Thống Nhất lập ngày 01/7/2025;

- Căn cứ Báo cáo số: 13/TT/ACC ngày 01/8/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng - Hội xây dựng Đồng Nai về việc Báo cáo kết quả thẩm tra giá bán chung cư số 5 và chung cư số 6, công trình khu nhà chung cư phục vụ công nhân (ô đất NC2) thuộc dự án phát triển nhà ở tại khu trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

- Căn cứ Quyết định số: 106/QĐ-CPTN ngày 06/8/2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất về việc phê duyệt giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 – Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở tại Khu Trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Thống Nhất kính gửi Sở Xây dựng giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 - Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở Khu Trung tâm Dịch vụ KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để Sở Xây dựng công khai giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 13 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

Hồ sơ đính kèm:

- Phương án giá bán chung cư số 5 và chung cư số 6 công trình khu nhà chung

cư phục vụ công nhân thuộc dự án phát triển nhà ở Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai do Công ty Cổ phần Thống Nhất lập ngày 01/7/2025;

- Báo cáo số 13/TT/ACC ngày 01/8/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng - Hội xây dựng Đồng Nai về việc Báo cáo kết quả thẩm tra giá bán chung cư số 5 và chung cư số 6, công trình khu nhà chung cư phục vụ công nhân (ô đất NC2) thuộc dự án phát triển nhà ở tại khu trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số: 106/QĐ-CPTN ngày 06/8/2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất về việc phê duyệt giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 – Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở tại Khu Trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Công ty Cổ phần Thống Nhất kính gửi Sở Xây dựng nội dung như trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, ĐT-KD

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

Trần Hữu Trung

CÔNG TY CP THỐNG NHẤT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 406 /QĐ-CPTN	*Trảng Bom, ngày 06 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

"V/v phê duyệt giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 – Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở tại Khu Trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai"

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT

- Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

- Căn cứ Nghị quyết số 210/2025/QH15 ngày 29/5/2025;

- Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

- Căn cứ Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

- Căn cứ Văn bản số 6179/STC-QLG&CS ngày 28/10/2020 của Sở Tài Chính về kết quả thẩm định phương án giá bán căn hộ, giá cho thuê khu nhà chung cư phục vụ công nhân (ô đất NC2) – giai đoạn 1 (Block CC6) thuộc dự án phát triển nhà ở tại khu Trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

- Căn cứ Văn bản số 59/SXD-QLN-TTBĐS ngày 08/01/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc điều kiện nhà ở hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh tại Chung cư số 6 thuộc dự án Phát triển nhà ở tại Khu TTDV KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

- Căn cứ Văn bản số 5734/SXD-QLN-TTBĐS ngày 05/12/2024 của Sở Xây dựng về việc nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua đối với 98 căn hộ Chung cư số 5 – Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở Khu Trung tâm Dịch vụ KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

- Căn cứ Văn bản số 312/SXD-QLN-TTBĐS ngày 21/01/2025 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh hình thức bán, cho thuê mua, cho thuê đối với 35 căn hộ của Chung cư số 6 – Khu chung cư phục vụ công nhân thuộc dự án phát triển nhà ở Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom

- Căn cứ Phương án giá bán chung cư số 5 và chung cư số 6 công trình khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc dự án phát triển nhà ở Khu trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai do Công ty Cổ phần Thống Nhất lập ngày 01/7/2025;

- Căn cứ Báo cáo số 13/TT/ACC ngày 01/8/2025 của Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng - Hội xây dựng Đồng Nai về việc Báo cáo kết quả thẩm tra giá bán chung cư số 5 và chung cư số 6, công trình khu nhà chung cư phục vụ công nhân (ô đất NC2) thuộc dự án phát triển nhà ở tại khu trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt giá bán căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 – Khu nhà chung cư phục vụ công nhân thuộc Dự án phát triển nhà ở tại Khu Trung tâm dịch vụ KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

I. Chung cư số 5

1. Giá bán căn hộ:

- Tầng 1 (trệt) : 11.878.920 đồng/m^2
- Tầng 2, 3, 4 : 9.337.603 đồng/m^2
- Tầng 5 : 8.754.003 đồng/m^2

(Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng, chi phí bảo trì, chi phí quản lý và vận hành nhà chung cư)

2. Giá bán chi tiết từng căn hộ: *Theo phụ lục 01 đính kèm*

Giá bán từng căn hộ được xác định đã bao gồm 5% thuế giá trị gia tăng và chi phí bảo trì (được tính bằng 2% giá trị căn hộ trước thuế), chưa bao gồm chi phí quản lý và vận hành nhà chung cư

II. Chung cư số 6

1. Giá bán căn hộ:

- Tầng 1 (trệt) : 11.418.602 đồng/m^2
- Tầng 2 : 8.765.500 đồng/m^2
- Tầng 3 : 6.848.000 đồng/m^2
- Tầng 4 : 4.930.600 đồng/m^2
- Tầng 5 : 4.032.496 đồng/m^2

(Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng, chi phí bảo trì, chi phí quản lý và vận hành nhà chung cư)

2. Giá bán chi tiết từng căn hộ: *Theo phụ lục 02 đính kèm*

Giá bán từng căn hộ được xác định đã bao gồm 5% thuế giá trị gia tăng và chi phí bảo trì (được tính bằng 2% giá trị căn hộ trước thuế), chưa bao gồm chi phí quản lý và vận hành nhà chung cư

Quyết định này thay thế Quyết định số: 12/QĐ-CPTN ngày 10/02/2025, Quyết định số: 13/QĐ-CPTN ngày 10/02/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thống Nhất và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2: Giá bán trên sẽ là cơ sở để Công ty ký kết hợp đồng mua bán căn hộ với khách hàng đủ điều kiện mua căn hộ chung cư số 5 và chung cư số 6 - Khu nhà chung cư phục vụ công nhân. Đơn giá chính thức sẽ được xác định sau khi hoàn thành, kiểm

toán và quyết toán công trình, trình các Sở ngành thẩm định theo đúng quy định Pháp luật.

Điều 3: Các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3.
- Ban Tổng Giám đốc (để biết)
- Lưu: VT, ĐT-KD, KT-TH

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600667859 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT H. TRẢNG BOM - T. ĐỒNG NAI

Nguyễn Hoàng Dũng

PHỤ LỤC 01
BẢNG GIÁ BÁN CHI TIẾT TỪNG CĂN HỘ CHUNG CƯ SỐ 5
(Đính kèm theo Quyết định số: .106../QĐ-CPTN ngày 06/8/2025)

STT	KÝ HIỆU	SỐ LƯỢNG (căn)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG CĂN HỘ (m^2)	ĐƠN GIÁ CHƯA THUẾ (Đồng/m^2)	THÀNH TIỀN CHƯA THUẾ (Đồng)	PHÍ BẢO TRÌ (2% giá trị căn hộ trước thuế) (Đồng)	GIÁ TRỊ CĂN HỘ (Bao gồm VAT 5% và phí bảo trì) (Đồng)
I	**Tầng 1**	**10**	**708,50**				
1	101	1	67,80	11.878.920	805.390.776	16.107.816	861.768.131
2	102	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
3	103	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
4	104	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
5	105	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
6	106	1	84,30	11.878.920	1.001.392.956	20.027.859	1.071.490.463
7	107	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
8	108	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
9	109	1	69,80	11.878.920	829.148.616	16.582.972	887.189.019
10	110	1	67,80	11.878.920	805.390.776	16.107.816	861.768.131
II	**Tầng 2**	**22**	**712,60**				
11	201	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
12	202	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
13	203	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
14	204	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
15	205	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
16	206	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
17	207	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
18	208	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
19	209	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
20	210	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
21	211	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
22	212	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
23	213	1	33,10	9.337.603	309.074.659	6.181.493	330.709.885
24	214	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
25	215	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
26	216	1	42,00	9.337.603	392.179.326	7.843.587	419.631.879
27	217	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
28	218	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
29	219	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
30	220	1	33,10	9.337.603	309.074.659	6.181.493	330.709.885

31	221	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
32	222	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
III	**Tầng 3**	**22**	**712,60**				
33	301	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
34	302	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
35	303	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
36	304	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
37	305	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
38	306	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
39	307	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
40	308	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
41	309	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
42	310	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
43	311	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
44	312	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
45	313	1	33,10	9.337.603	309.074.659	6.181.493	330.709.885
46	314	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
47	315	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
48	316	1	42,00	9.337.603	392.179.326	7.843.587	419.631.879
49	317	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
50	318	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
51	319	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
52	320	1	33,10	9.337.603	309.074.659	6.181.493	330.709.885
53	321	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
54	322	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
IV	**Tầng 4**	**22**	**712,60**				
55	401	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
56	402	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
57	403	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
58	404	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
59	405	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
60	406	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
61	407	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
62	408	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
63	409	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
64	410	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
65	411	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
66	412	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
67	413	1	33,10	9.337.603	309.074.659	6.181.493	330.709.885
68	414	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
69	415	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
70	416	1	42,00	9.337.603	392.179.326	7.843.587	419.631.879

71	417	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
72	418	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
73	419	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
74	420	1	33,10	9.337.603	309.074.659	6.181.493	330.709.885
75	421	1	32,00	9.337.603	298.803.296	5.976.066	319.719.527
76	422	1	31,10	9.337.603	290.399.453	5.807.989	310.727.415
V	**Tầng 5**	**22**	**712,60**				
77	501	1	31,10	8.754.003	272.249.493	5.444.990	291.306.958
78	502	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
79	503	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
80	504	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
81	505	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
82	506	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
83	507	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
84	508	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
85	509	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
86	510	1	31,10	8.754.003	272.249.493	5.444.990	291.306.958
87	511	1	31,10	8.754.003	272.249.493	5.444.990	291.306.958
88	512	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
89	513	1	33,10	8.754.003	289.757.499	5.795.150	310.040.524
90	514	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
91	515	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
92	516	1	42,00	8.754.003	367.668.126	7.353.363	393.404.895
93	517	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
94	518	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
95	519	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
96	520	1	33,10	8.754.003	289.757.499	5.795.150	310.040.524
97	521	1	32,00	8.754.003	280.128.096	5.602.562	299.737.063
98	522	1	31,10	8.754.003	272.249.493	5.444.990	291.306.958

PHỤ LỤC 02

BẢNG GIÁ BÁN CHI TIẾT TỪNG CĂN HỘ CHUNG CƯ SỐ 6

(Đính kèm theo Quyết định số: .106../QĐ-CPTN ngày .06/8/2025)

STT	KÝ HIỆU	SỐ LƯỢNG (căn)	DIỆN TÍCH SỬ DỤNG CĂN HỘ (m^2)	ĐƠN GIÁ CHƯA THUẾ (Đồng/m^2)	THÀNH TIỀN CHƯA THUẾ (Đồng)	PHÍ BẢO TRÌ (2% giá trị trước thuế) (Đồng)	GIÁ TRỊ CĂN HỘ (Bao gồm VAT 5% và phí bảo trì) (Đồng)
I	**Tầng 1**	**11**	**778,30**				
1	101	1	67,80	11.418.602	774.181.216	15.483.624	828.373.901
2	102	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
3	103	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
4	104	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
5	105	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
6	106	1	84,30	11.418.602	962.588.149	19.251.763	1.029.969.319
7	107	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
8	108	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
9	109	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
10	110	1	69,80	11.418.602	797.018.420	15.940.368	852.809.709
11	111	1	67,80	11.418.602	774.181.216	15.483.624	828.373.901
II	**Tầng 2**	**24**	**776,60**				
12	201	1	31,10	8.765.500	272.607.050	5.452.141	291.689.544
13	202	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
14	203	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
15	204	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
16	205	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
17	206	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
18	207	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
19	208	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
20	209	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
21	210	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
22	211	1	31,10	8.765.500	272.607.050	5.452.141	291.689.544
23	212	1	31,10	8.765.500	272.607.050	5.452.141	291.689.544
24	213	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
25	214	1	33,10	8.765.500	290.138.050	5.802.761	310.447.714
26	215	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
27	216	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
28	217	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
29	218	1	42,00	8.765.500	368.151.000	7.363.020	393.921.570
30	219	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
31	220	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720

32	221	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
33	222	1	33,10	8.765.500	290.138.050	5.802.761	310.447.714
34	223	1	32,00	8.765.500	280.496.000	5.609.920	300.130.720
35	224	1	31,10	8.765.500	272.607.050	5.452.141	291.689.544
III	**Tầng 3**	**24**	**776,60**				
36	301	1	31,10	6.848.000	212.972.800	4.259.456	227.880.896
37	302	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
38	303	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
39	304	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
40	305	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
41	306	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
42	307	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
43	308	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
44	309	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
45	310	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
46	311	1	31,10	6.848.000	212.972.800	4.259.456	227.880.896
47	312	1	31,10	6.848.000	212.972.800	4.259.456	227.880.896
48	313	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
49	314	1	33,10	6.848.000	226.668.800	4.533.376	242.535.616
50	315	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
51	316	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
52	317	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
53	318	1	42,00	6.848.000	287.616.000	5.752.320	307.749.120
54	319	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
55	320	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
56	321	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
57	322	1	33,10	6.848.000	226.668.800	4.533.376	242.535.616
58	323	1	32,00	6.848.000	219.136.000	4.382.720	234.475.520
59	324	1	31,10	6.848.000	212.972.800	4.259.456	227.880.896
IV	**Tầng 4**	**24**	**776,60**				
60	401	1	31,10	4.930.600	153.341.660	3.066.833	164.075.576
61	402	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
62	403	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
63	404	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
64	405	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
65	406	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
66	407	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
67	408	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
68	409	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
69	410	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
70	411	1	31,10	4.930.600	153.341.660	3.066.833	164.075.576
71	412	1	31,10	4.930.600	153.341.660	3.066.833	164.075.576

72	413	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
73	414	1	33,10	4.930.600	163.202.860	3.264.057	174.627.060
74	415	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
75	416	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
76	417	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
77	418	1	42,00	4.930.600	207.085.200	4.141.704	221.581.164
78	419	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
79	420	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
80	421	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
81	422	1	33,10	4.930.600	163.202.860	3.264.057	174.627.060
82	423	1	32,00	4.930.600	157.779.200	3.155.584	168.823.744
83	424	1	31,10	4.930.600	153.341.660	3.066.833	164.075.576
V	**Tầng 5**	**24**	**776,60**				
84	501	1	31,10	4.032.496	125.410.626	2.508.213	134.189.370
85	502	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
86	503	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
87	504	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
88	505	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
89	506	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
90	507	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
91	508	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
92	509	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
93	510	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
94	511	1	31,10	4.032.496	125.410.626	2.508.213	134.189.370
95	512	1	31,10	4.032.496	125.410.626	2.508.213	134.189.370
96	513	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
97	514	1	33,10	4.032.496	133.475.618	2.669.512	142.818.911
98	515	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
99	516	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
100	517	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
101	518	1	42,00	4.032.496	169.364.832	3.387.297	181.220.371
102	519	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
103	520	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
104	521	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
105	522	1	33,10	4.032.496	133.475.618	2.669.512	142.818.911
106	523	1	32,00	4.032.496	129.039.872	2.580.797	138.072.663
107	524	1	31,10	4.032.496	125.410.626	2.508.213	134.189.370